

Overall length	Thread length	Thread + Neck length	Shank length	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	ℓn	ℓs	Ds	K	ℓk

EH-HT

Mũi Taro Hand Tap Dành Cho Vật Liệu Khó Gia Công
(Hand Taps for Hard-to-Machine Materials)

Thông số kỹ thuật

HSS-Co



Tốc độ cắt theo vật liệu phôi gia công

Thép gia nhiệt
(Thermal refined steels)
調質鋼
~5
(m/min)

35~45HRC

Thép dụng cụ
(Tool steels)
工具鋼
~5
(m/min)



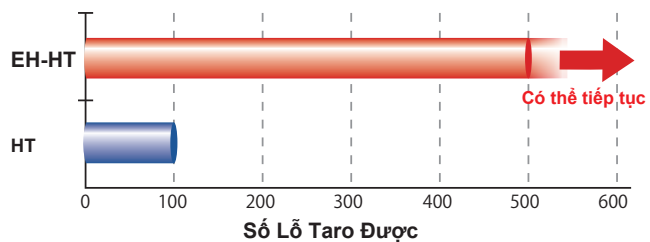
Đặc Điểm Kỹ Thuật

- EH-HT phù hợp để taro ren vật liệu có độ cứng cao từ 30 ~ 45HRC như thép các bon cao (*high carbon steel*), thép hợp kim SCM rèn dập, thép đã tôi và thép khuôn.
- Tuổi thọ của mũi taro đã được cải thiện đáng kể bằng cách sử dụng hình dạng lưỡi cắt phù hợp với các vật liệu khó cắt. Mũi taro dòng EH-HT được làm bằng HSS-Co có khả năng chống mài mòn tuyệt vời.
- Có 2 loại chamfer là sẵn có, loại 2.5P dành cho lỗ bít và 5P dành cho lỗ thông.

Dữ Liệu Taro

Điều Kiện Taro [M6×1 P3]

Mũi taro	EH-HT M6×1 5P
Vật liệu phôi	SCM440/ Bánh răng
Lỗ khoan	φ5
Chiều sâu ren	10mm lỗ thủng
Tốc độ cắt	9m/phút
Máy gia công	Trung tâm gia công CNC đứng (không đồng bộ)
Loại bầu kẹp	Bầu kẹp nhún căng - nén
Dầu tưới nguội	Dầu không pha nước
Số lỗ ren	500 lỗ ren (có thể tiếp tục gia công)



Bảng hệ thống sản phẩm

Vật Liệu Phôi		Tốc Độ Taro					Vật Liệu Phôi	
		1m/min	3m/min	5m/min	10m/min	15m/min		
Các vật liệu độ cứng cao	60HRC ↕ 55HRC	UH-CT		※ Xin sử dụng UH-CT và EH-CT với máy có feed đồng bộ hoàn hảo			60HRC ↕ 55HRC	Các vật liệu độ cứng cao
	55HRC ↕ 45HRC	EH-CT					55HRC ↕ 45HRC	
Thép đã tôi	45HRC ↕ 25HRC	EH-HT EH-PO		HC+SP HC-SP HC+PO HC-PO			45HRC ↕ 25HRC	Thép đã tôi
Thép dụng cụ, Hợp kim	SKS • SKD SCM • SCr						SKS • SKD SCM • SCr	Thép dụng cụ, Hợp kim
Thép các bon cao	↑ S45C						↑ S45C	Thép các bon cao
Thép các bon trung bình	S45C ↑ S30C						S45C ↑ S30C	Thép các bon trung bình
		1m/min	3m/min	5m/min	10m/min	15m/min		

Biểu đồ trên cho thấy khoảng gia công

Overall length	Thread length	Thread + Neck length	Shank length	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	ℓ_n	ℓ_s	Ds	K	ℓ_k

4

JIS

Spiral Fluted Taps
(for blind hole)

①

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

②

Spiral Pointed Taps
(for through hole)

③

Hand Taps

④

Cemented
Carbide Taps

⑤

Roll Taps

⑥

Special Thread Taps
Simple Inspection Tools

⑦

Pipe Taps

⑧

Thread Mills

⑨

Dies

⑩

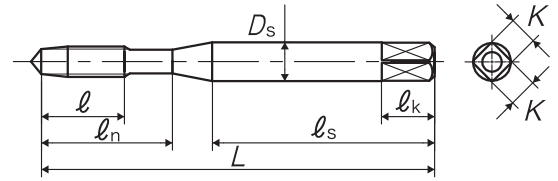
Center Drills
Centering Tools

⑪

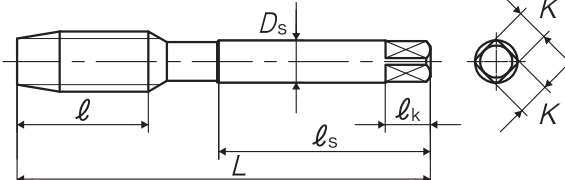
JIS

④-114

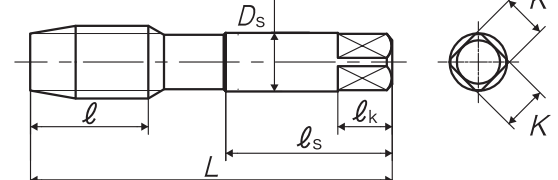
TYPE : 1



TYPE : 2



TYPE : 3



Segment : 1B

Size	Class	Code	Chamfer	L (mm)	ℓ (mm)	ℓ_n (mm)	ℓ_s (mm)	Ds (mm)	K (mm)	ℓ_k (mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
Dành Cho Ren Hệ Mét (For Metric Threads)													
M3 × 0.5	P3	ETHMR3.0G5	5P	46	9	14	26	4	3.2	6	3	1	¥ 1,430
M3 × 0.5	P3	ETHMR3.0G1	2.5P	46	9	14	26	4	3.2	6	3	1	¥ 1,430
M4 × 0.7	P3	ETHMR4.0I5	5P	52	11	17	29	5	4	7	3	1	¥ 1,430
M4 × 0.7	P3	ETHMR4.0I1	2.5P	52	11	17	29	5	4	7	3	1	¥ 1,430
M5 × 0.8	P3	ETHMR5.0K5	5P	60	13	22	33	5.5	4.5	7	3	1	¥ 1,450
M5 × 0.8	P3	ETHMR5.0K1	2.5P	60	13	22	33	5.5	4.5	7	3	1	¥ 1,450
M6 × 1	P3	ETHMR6.0M5	5P	62	15	26	33	6	4.5	7	3	1	¥ 1,590
M6 × 1	P3	ETHMR6.0M1	2.5P	62	15	26	33	6	4.5	7	3	1	¥ 1,590
M8 × 1.25	P4	ETHMS8.0N5	5P	70	19	-	36	6.2	5	8	4	2	¥ 2,220
M8 × 1.25	P4	ETHMS8.0N1	2.5P	70	19	-	36	6.2	5	8	4	2	¥ 2,220
M10 × 1.5	P4	ETHMS010O5	5P	75	23	-	38	7	5.5	8	4	2	¥ 2,820
M10 × 1.5	P4	ETHMS010O1	2.5P	75	23	-	38	7	5.5	8	4	2	¥ 2,820
M10 × 1.25	P4	ETHMS010N5	5P	75	23	-	38	7	5.5	8	4	2	¥ 2,820*
M10 × 1.25	P4	ETHMS010N1	2.5P	75	23	-	38	7	5.5	8	4	2	¥ 2,820*
M12 × 1.75	P4	ETHMS012P5	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	4	2	¥ 4,010
M12 × 1.75	P4	ETHMS012P1	2.5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	4	2	¥ 4,010
M12 × 1.5	P4	ETHMS012O5	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	4	2	¥ 4,010*
M12 × 1.5	P4	ETHMS012O1	2.5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	4	2	¥ 4,010*
M12 × 1.25	P4	ETHMS012N5	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	4	2	¥ 4,010*
M12 × 1.25	P4	ETHMS012N1	2.5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	4	2	¥ 4,010*
M14 × 2	P5	ETHMT014Q5	5P	88	26	-	45	10.5	8	11	4	2	¥ 5,460*
M14 × 2	P5	ETHMT014Q1	2.5P	88	26	-	45	10.5	8	11	4	2	¥ 5,460*
M14 × 1.5	P4	ETHMS014O5	5P	88	26	-	45	10.5	8	11	4	2	¥ 5,460*
M14 × 1.5	P4	ETHMS014O1	2.5P	88	26	-	45	10.5	8	11	4	2	¥ 5,460*
M16 × 2	P5	ETHMT016Q5	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	4	2	¥ 7,300
M16 × 2	P5	ETHMT016Q1	2.5P	95	26	-	48	12.5	10	13	4	2	¥ 7,300
M16 × 1.5	P4	ETHMS016O5	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	4	2	¥ 7,300*
M16 × 1.5	P4	ETHMS016O1	2.5P	95	26	-	48	12.5	10	13	4	2	¥ 7,300*
M18 × 2.5	P5	ETHMT018R5	5P	100	33	-	51	14	11	14	4	2	¥ 9,750*
M18 × 2.5	P5	ETHMT018R1	2.5P	100	33	-	51	14	11	14	4	2	¥ 9,750*
M18 × 1.5	P4	ETHMS018O5	5P	100	33	-	51	14	11	14	4	2	¥ 9,750*
M18 × 1.5	P4	ETHMS018O1	2.5P	100	33	-	51	14	11	14	4	2	¥ 9,750*
M20 × 2.5	P5	ETHMT020R5	5P	105	33	-	50	15	12	15	4	3	¥ 13,200
M20 × 2.5	P5	ETHMT020R1	2.5P	105	33	-	50	15	12	15	4	3	¥ 13,200

* = Các mã được phân phối đặc biệt, được sản xuất theo đơn hàng
Đề cải tiến, thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Think threads with
YAMAWA

④ Mũi Taro Dòng Hand Tap

Overall length	Thread length	Thread + Neck length	Shank length	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	ℓn	ℓs	Ds	K	ℓk

JIS

EH-HT Mũi taro hand tap dành cho vật liệu khó gia công

Size	Class	Code	Chamfer	L (mm)	ℓ (mm)	ℓn (mm)	ℓs (mm)	Ds (mm)	K (mm)	ℓk (mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
M20 × 1.5	P4	ETHMS020O5	5P	105	33	-	50	15	12	15	4	3	¥ 13,200 [※]
M20 × 1.5	P4	ETHMS020O1	2.5P	105	33	-	50	15	12	15	4	3	¥ 13,200 [※]
M22 × 2.5	P5	ETHMT022R5	5P	115	33	-	55	17	13	16	4	3	¥ 17,000 [※]
M22 × 2.5	P5	ETHMT022R1	2.5P	115	33	-	55	17	13	16	4	3	¥ 17,000 [※]
M22 × 1.5	P4	ETHMS022O5	5P	115	33	-	55	17	13	16	4	3	¥ 17,000 [※]
M22 × 1.5	P4	ETHMS022O1	2.5P	115	33	-	55	17	13	16	4	3	¥ 17,000 [※]
M24 × 3	P5	ETHMT024S5	5P	120	39	-	55	19	15	18	4	3	¥ 21,200
M24 × 3	P5	ETHMT024S1	2.5P	120	39	-	55	19	15	18	4	3	¥ 21,200
M24 × 1.5	P4	ETHMS024O5	5P	120	39	-	55	19	15	18	4	3	¥ 21,200 [※]
M24 × 1.5	P4	ETHMS024O1	2.5P	120	39	-	55	19	15	18	4	3	¥ 21,200 [※]
M27 × 3	P5	ETHMT027S5	5P	130	39	-	60	20	15	18	4	3	¥ 30,000 [※]
M27 × 3	P5	ETHMT027S1	2.5P	130	39	-	60	20	15	18	4	3	¥ 30,000 [※]
M30 × 3.5	P5	ETHMT030T5	5P	135	46	-	62	23	17	20	4	3	¥ 38,300 [※]
M30 × 3.5	P5	ETHMT030T1	2.5P	135	46	-	62	23	17	20	4	3	¥ 38,300 [※]

①

Spiral Fluted Taps
(for blind hole)

②

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

③

Spiral Pointed Taps
(for through hole)

④

Hand Taps

⑤

Cemented Carbide Taps

⑥

Roll Taps

⑦

Special Thread Taps
Simple Inspection Tools

⑧

Pipe Taps

⑨

Thread Mills

⑩

Dies

⑪

Center Drills
Centering Tools

JIS

④-115



※ = Các mã được phân phối đặc biệt, được sản xuất theo đơn hàng
Để cải tiến, thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.